TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Xuân Quyết
Ông Trần Đăng Khoa
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 880/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thu T; địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn K; địa chỉ cư trú: 469 Fothergill BLVD, Burlington, Ontario, L7L 6J1, Canada; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thu T trình bày: Chị và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 06/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được một thời gian ngắn sau đó anh Bùi Văn K về nước bảo lãnh cho chị T sang Canada để vợ chồng đoàn tụ nhưng do điều kiện kinh tế không đảm bảo đến nay anh K vẫn chưa bảo lãnh cho chị T được. Do xa cách địa lý, khả năng đoàn tụ không có dẫn đến bất đồng quan điểm sống, lối sống. Nay xác định tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án được ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung và tài sản chung: Không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn gửi về Tòa án, anh Bùi Văn K trình bày: Anh thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn như chị T trình bày. Anh cũng đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa và ủy quyền cho chị T nhận các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thu T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng:

[1]. Anh Bùi Văn K hiện tại đang cư trú, làm việc tại Canada. Anh Bùi Văn K và chị Bùi Thị Thu T cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015(sau đây viết tắt BLTTDS) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Bị đơn hiện đang cư trú tại Canada nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, anh Bùi Văn K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3]. Chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 06/02/2015, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Sau khi kết hôn anh Bùi Văn K về nước làm thủ tục bảo lãnh cho chị T sang Canada để vợ chồng đoàn tụ nhưng do điều kiện kinh tế không đảm bảo nên cơ quan có thẩm quyền từ chối. Do xa cách địa lý, khả năng đoàn tụ không có dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Do đó cả chị T và anh K cùng có đơn đề nghị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn K mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Bùi Thị Thu T

- Về con chung và tài sản chung:

[5]. Chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn K không có con chung và tài sản chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6]. Chị Bùi Thị Thu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7]. Chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0010647ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Bùi Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

- Chị Bùi Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương